

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
1		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm/ Phương thức biểu đạt: Biểu cảm <i>(Lưu ý: HS nêu 2 PTBD trong đó có biểu cảm: 0,25)</i>	0,5
	2	Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện sự tác động của tiếng đàn tới thiên nhiên và con người ở khổ (2) và (3): - Rừng bỗng chao nghiêng - Người bồn chồn tốt tươi náo động, tay vẫy tay mình tưởng nắm tay ai - Anh quên vừa qua cơn sốt - Rừng quên vừa trận bom đau. <i>(HS trả lời một ý: 0,25đ, từ 3/5 ý: 0,75đ, HS chép nguyên các dòng thơ: 0,5đ; HS chép nguyên vẹn hai khổ thơ (2), (3) không cho điểm.)</i>	0,75
	3	- Biện pháp tu từ Nhân hóa: Rừng bỗng quên vừa trận bom đau (hoặc “Rừng bỗng quên”) (0.25 điểm) - Hiệu quả: (0.75 điểm) + Làm cho rừng xanh có trạng thái, cảm xúc giống như con người: quên đi đau đớn do bom đạn gây ra khi nghe âm thanh tiếng đàn. + Giúp câu thơ gợi hình, biểu cảm, diễn đạt ấn tượng. + Thể hiện sự gắn bó, thấu hiểu của tác giả trước nỗi đau của rừng xanh và thái độ ngợi ca sức mạnh kì của tiếng đàn. <i>(Lưu ý: HS chỉ cần nêu 2/3 ý phần hiệu quả sử dụng, GV cho điểm tối đa.)</i>	1,0
4	- Nội dung câu thơ (0,25 điểm) Nhờ có tiếng đàn mà người lính đã không bị gục ngã, khuất phục trước gian khổ, hi sinh. Âm nhạc đã tạo động lực để các anh đứng dậy tiếp tục chiến đấu. - Ý nghĩa của câu thơ (0,5 điểm) + Thấy hiện thực tàn khốc nơi chiến trường cũng như cuộc sống gian khổ của những người lính.. + Thấy được sức mạnh diệu kì của tiếng đàn (âm nhạc): nâng đỡ tâm hồn, là chỗ dựa tinh thần của con người... để từ đó ta thấy trân trọng, yêu mến... + Cảm phục, mến yêu trước vẻ đẹp người lính: trong gian khổ vẫn kiên cường, lạc quan yêu đời, tâm hồn lãng mạn, nghệ sĩ...Trân trọng, tự hào, biết ơn trước những đóng góp, hi sinh của các anh. <i>(HS trình bày từ 2 ý trong phần suy nghĩ được điểm tối đa 0,5)</i>	0,75	
2		LÀM VĂN	7,0

1	<p>Viết đoạn văn về sức mạnh của tinh thần lạc quan trong cuộc sống</p> <p><i>a. Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	2,0
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Sức mạnh của tinh thần lạc quan trong cuộc sống</p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vai trò, ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống. <i>Có thể theo hướng</i></p> <p>* Giải thích vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Lạc quan” là luôn hướng về những tốt đẹp, luôn hướng về phía trước, nhìn nhận mọi việc theo hướng tích cực để cảm nhận được niềm vui, những điều ý nghĩa của cuộc sống. -> Đây là thái độ, tinh thần sống rất cần thiết và quan trọng- nhất là khi con người gặp phải khó khăn, nghịch cảnh. <p>* Bàn luận vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lạc quan giúp con người tin vào giá trị của bản thân, tự tin để khám phá và thể hiện bản thân. - Giúp con người sống vui vẻ hơn, tận hưởng được nhiều vẻ đẹp hơn của cuộc sống, giúp cho cuộc sống muôn màu sắc hơn. - Giúp con người tránh khỏi những muộn phiền, lo âu, có thái độ sống tích cực - Luôn vượt lên trên hoàn cảnh, làm chủ hoàn cảnh, tránh được những khó khăn, trở ngại hoặc hiểm họa trong cuộc sống. - Sống gần gũi, thân thiện với mọi người, với cuộc đời. - Người lạc quan luôn truyền được năng lượng tích cực cho người khác. <p>.....</p> <p>* Bài học nhận thức và hành động HS đưa ra bài học về nhận thức và hành động gắn với cá nhân.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: Các bước Giải thích, Bàn luận, Bài học phù hợp; lí lẽ xác đáng, dẫn chứng tiêu biểu phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 đến 1,0 điểm).</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: Các bước Giải thích, Bàn luận, Bài học chưa thật phù hợp; lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,5 điểm).</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thuyết phục: Các bước Giải thích, Bàn luận, Bài học không phù hợp; lí lẽ không xác đáng, dẫn chứng không tiêu biểu phù hợp; không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i> 	1,0

	<p>d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ</p>	0,25
2	<p>Phân tích đoạn trích; liên hệ hình ảnh sông Đà trong đoạn trích với hình ảnh sông Đà được miêu tả ở mặt ghềnh Hát Loóng để nhận xét phong cách nghệ thuật độc đáo của nhà văn Nguyễn Tuân.</p>	
	<p>a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	5,0
	<p>b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Vẽ đẹp hình tượng con sông Đà và phong cách nghệ thuật của tác giả.</p>	0,25
	<p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	0,25
	<p><u>Giới thiệu khái quát: tác giả, tác phẩm, đoạn trích, vấn đề</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả <i>Nguyễn Tuân</i> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà văn lớn, một nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp + Vị trí quan trọng và đóng góp không nhỏ đối với văn học Việt Nam hiện đại: thúc đẩy thể tùy bút đạt tới trình độ nghệ thuật cao, làm phong phú thêm ngôn ngữ văn học dân tộc. + Phong cách tài hoa, uyên bác. - Tác phẩm <i>Người lái đò Sông Đà</i> <ul style="list-style-type: none"> + In trong tập <i>Sông Đà</i> (1960), là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám 1945. + Là thành quả của chuyến đi thực tế của tác giả tới miền Tây Bắc. + Mục đích chủ yếu: tìm kiếm chất vàng của thiên nhiên cùng “thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở tâm hồn người lao động Tây Bắc. - Đoạn trích về sông Đà thơ mộng, trữ tình - Vấn đề nghị luận <p>(Lưu ý: HS có thể trình bày nội dung này ở Mở bài hoặc phần đầu Thân bài, GV linh hoạt chấm điểm)</p>	0,5
	<p><u>Cảm nhận hình tượng sông Đà</u></p> <p>* Hình tượng sông Đà trữ tình, thơ mộng</p> <p>/ Từ trên tàu bay nhìn xuống, sông Đà giống như người thiếu nữ kiều diễm</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Vẻ đẹp trữ tình hiện lên qua hình dáng (0,75 điểm)</u> “<i>Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình ... đốt nương xuân</i>” + câu văn dài liền mạch kết hợp với điệp ngữ “<i>tuôn dài</i>” được lặp lại hai lần -> Dòng chảy: dài miên man, bất tận. + Phép so sánh sông Đà như một <i>áng tóc trữ tình</i> 	2,25

-> Tô đậm vẻ đẹp dáng hình dòng sông: mềm mại, duyên dáng, uyển chuyển.
 + Miêu tả: *án hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo...*

-> vẻ đẹp căng tràn sức sống và sự bí hiểm, kiêu diễm của dòng sông.
 => Sông Đà như một kiệt tác của đất trời dành riêng cho vùng đất thiêng liêng Tây Bắc

- Vẻ đẹp trữ tình hiện lên qua sắc nước biến ảo thay đổi theo mùa (0.75 điểm)
 + Miêu tả kết hợp so sánh “*Màu ngọc bích*”, khác với sông Gâm, sông Lô “*màu xanh canh hến*”:
 -> Làm rõ sắc nước đặc trưng sông Đà mùa xuân: trong xanh, tươi sáng, lấp lánh ánh sáng, tràn đầy sức sống.
 + Liên tưởng chân thực, gần gũi: Mùa thu nước sông “*lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa...*” :
 -> Sông Đà đậm phù sa, đem màu mỡ đến cho bao cánh đồng phì nhiêu trù phú.
 => Vẻ đẹp muôn màu, mỗi mùa mang một vẻ đẹp riêng, quyến rũ, tinh tú, mới mẻ.

/ Từ rừng đi ra, lâu ngày gặp lại, sông Đà gọi cảm như một cố nhân (0,75 điểm)

- Nét trữ tình, thơ mộng được thể hiện qua vẻ đẹp của nước, nắng, bờ bãi...
 + Biện pháp so sánh, nhân hóa độc đáo “*..như một cố nhân*” khiến sông Đà hiện lên như một người bạn cũ thân thiết xa thì nhớ, gặp gỡ thì mừng vui....
 + Vẻ đẹp của nước Sông Đà qua cách liên tưởng thú vị:: gợi nhớ đến một trò chơi của con trẻ “*trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương...*”
 -> Vẻ đẹp trong sáng, tươi vui, gợi cảm xúc hào hứng, khao khát gặp lại.
 + Vẻ đẹp của nắng sông Đà lại gợi nhớ đến thế giới Đường thi “*tôi nhìn cái miêng sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi...*”
 -> Màu nắng gợi sự ấm áp, thanh bình mang vẻ đẹp thi vị gợi cảm.
 + Vẻ đẹp của bờ bãi sông Đà lại gợi nhớ đến thế giới thần tiên trong khu vườn cổ tích “*bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên sông Đà*”.
 -> Phép liệt kê, Điệp từ...diễn tả không gian khoáng đạt, sống động và niềm cảm xúc sướng vui, vỡ òa, hạnh phúc.
 + Cảm xúc gặp lại cố nhân sông Đà được cụ thể hóa qua phép so sánh, nhịp văn ngắn liên tiếp: “*Vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm...nói lại chiêm bao đứt quãng*”: bất ngờ, vui sướng, khi gặp lại dòng sông tươi mới, kì diệu.
 + Ấn tượng chung về sông Đà “*người cố nhân ấy lắm bệnh lắm chứng chốc dậu dằng dấy rồi chốc lại bần tỉnh và gắt gỏng thác lũ ngay đấy*” nhưng cảm giác vẫn là “*đằm đằm ấm ấm*”
 -> Cố nhân sông Đà vẫn hấp dẫn, vẫn mê hoặc đến kỳ lạ.

*** Cảm nhận nét đặc sắc chung của đoạn trích**

- Về phương diện nội dung (0,25 điểm)
 Đoạn trích là khúc ca ca ngợi vẻ đẹp của sông Đà- sản phẩm nghệ thuật vô giá của tạo hóa và nét tính cách như con người
 + Sông Đà mang vẻ đẹp nên thơ, trữ tình của thiên nhiên, đất nước.

	<p>+ Đăng sau việc khám phá những đặc điểm tiêu biểu của Đà giang, nhà văn phát hiện “chất vàng 10” của thiên nhiên cũng như bày tỏ niềm say mê, trân trọng, tự hào và tình yêu thiết tha với dòng sông đẹp của thiên nhiên đất nước.</p> <p>- <u>Về phương diện nghệ thuật (0,25 điểm)</u></p> <p>+ Điểm nhìn đa dạng</p> <p>+ Từ ngữ phong phú, chính xác, sống động, giàu hình ảnh, gợi cảm cao.</p> <p>+ Câu văn đa dạng, giàu nhịp điệu, có kết cấu trùng điệp, nhiều câu chủ yếu là thành ngữ, tuôn theo dòng cảm xúc.</p> <p>+ Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ.</p>	0,5
	<p><u>Phân liên hệ với hình ảnh sông Đà quăng mắt ghềnh Hát Loóng để làm rõ phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân</u></p> <p>- <u>Liên hệ: (0,25 điểm)</u></p> <p>Hình ảnh sông Đà trong đoạn trích biểu tượng cho vẻ đẹp thơ mộng, lãng mạn của thiên nhiên, khác với hình ảnh sông Đà quăng mắt ghềnh Hát Loóng hung bạo, dữ dội, quanh năm gùn ghè sôi sục bởi tổ hợp sóng, gió, nước, đá. Đó là hình ảnh dòng sông biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên, đất nước.</p> <p>- <u>Nguyễn Tuân có một phong cách: tài hoa, uyên bác (0,25 điểm)</u></p> <p>+ Nhà văn lựa chọn và miêu tả thiên nhiên ở phương diện thẩm mỹ, vì thế sông Đà nổi bật với vẻ đẹp độc đáo của một sinh thể có tính cách, tâm hồn... như một cố nhân, một người thiếu nữ...</p> <p>+ Cách nhìn và sự khám phá sông Đà có chiều sâu; vận dụng kiến thức sách vở và các tri thức liên ngành của đời sống một cách đa dạng, phong phú.</p> <p>+ Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ điêu luyện: lời văn giàu chất tạo hình, giàu nhạc điệu, lối liên tưởng so sánh độc đáo, vốn từ ngữ phong phú, hình ảnh giàu liên tưởng bất ngờ, độc đáo...</p>	0,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0